ỦY BAN NHÂN DÂN **XÃ EA WER**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 2033 /QĐ-UBND	*Ea Wer, ngày 27 tháng 10 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt dự án: Nâng cấp một số trục đường khu vực trung tâm xã Ea Wer

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Xây dựng số 135/2025/QH15 ngày 10 tháng 12 năm 2025; Luật số 57/2024/QH15 ngày 29 tháng 11 năm 2024 của Quốc Hội về Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch, Luật đầu tư, Luật đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật đấu thầu;

Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23/6/2023 của Quốc hội; Căn cứ Luật số 90/2025/QH15 ngày 16 tháng 7 năm 2025 của Quốc hội: Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Nghị định số 207/2026/NĐ-CP ngày 15 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 206/2026/NĐ-CP ngày 15/6/2026 của Chính phủ quy định chi tiết về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 217/2026/NĐ-CP, ngày 19/6/2026 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều về quản lý hoạt động xây dựng.

Căn cứ Nghị định số 254/2025/NĐ-CP ngày 26/9/2025 của Chính phủ quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công;

Căn cứ Quyết định số 050/2025/QĐ-UBND ngày 30/12/2025 của UBND tỉnh Đắk Lắk Ban hành quy định về thẩm quyền trong quản lý dự án đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk;

Căn cứ Quyết định số 2347/QĐ-UBND ngày 24/7/2026 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc bổ sung dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2026 cho các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh và bổ sung ngân sách có mục tiêu năm 2026 cho các địa phương từ nguồn tăng thu so với dự toán, dự toán chi còn lại của ngân sách cấp tỉnh năm 2025 để thực hiện nhiệm vụ, dự án cấp thiết trên địa bàn tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 1590/QĐ-UBND ngày 28/8/2026 của UBND xã Ea Wer về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Nâng cấp một số trục đường khu vực trung tâm xã Ea Wer;

Xét Tờ trình số 271/TTr-KT, ngày 26/10/2026 của phòng Kinh tế xã về việc đề nghị phê duyệt dự án Nâng cấp một số trục đường khu vực trung tâm xã Ea Wer.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự án Nâng cấp một số trục đường khu vực trung tâm xã Ea Wer, với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Tên dự án: Nâng cấp một số trục đường khu vực trung tâm xã Ea Wer.

2. Loại, nhóm dự án; loại, cấp công trình chính; thời hạn sử dụng theo công trình thiết kế:

- Loại công trình: Công trình giao thông.

- Cấp công trình: Cấp IV.

- Hình thức đầu tư: Nâng cấp, sửa chữa.

3. Mã định danh (nếu có): Chưa thực hiện.

4. Địa điểm xây dựng: Xã Ea Wer, tỉnh Đắk Lắk.

5. Người quyết định đầu tư: Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Ea Wer.

6. Chủ đầu tư: Phòng Kinh tế xã Ea Wer.

7. Tổ chức tư vấn lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật, tổ chức lập khảo sát xây dựng, tổ chức tư vấn lập thiết kế bản vẽ thi công: Công ty TNHH tư vấn xây dựng P-T.

8. Mục tiêu dự án:

- Đồng bộ và hoàn thiện hệ thống giao thông, hạ tầng thiết yếu, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người dân trong khu vực, góp phần chỉnh trang đô thị, nâng cao mỹ quan và cải thiện chất lượng môi trường sống, thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội, giữ vững an ninh quốc phòng, kết nối giao thông thuận tiện, từng bước hiện đại và đồng bộ hệ thống giao thông trên địa bàn xã nói riêng và toàn tỉnh Đắk Lắk nói chung.

- Công trình được xây dựng sẽ góp phần thúc đẩy nhanh quá trình phát triển kinh tế - văn hoá xã hội khu vực, dọc tuyến đường và các dự án khác trong vùng, góp phần thúc đẩy phát triển sản xuất (nông nghiệp, công nghiệp, xây dựng) nâng cao đời sống văn hóa, từng bước nâng cao trình độ dân trí cho nhân dân xã.

9. Quy mô đầu tư xây dựng:

- Loại công trình: Công trình giao thông.

- Cấp công trình: Cấp IV.

Thiết kế Tuyến đường Nâng cấp một số trục đường khu vực trung tâm xã Ea Wer, chiều dài 13 trục: ∑L = 4.547m; có điểm đầu, điểm cuối như sau:

+ Trục đường số 3:

- Điểm đầu: Km0+00 Đầu tuyến giao tỉnh lộ 1.

- Điểm cuối: KM0+90,53; Giao đường quy hoạch số 20.

+ Trục đường số 4_1:

- Điểm đầu: Km0+00 nối vào mép nhựa giao đường quy hoạch số 20.

- Điểm cuối: KM0+94,83; Giao đường quy hoạch số 21.

+ Trục đường số 4_2:

- Điểm đầu: Km0+00 Nối mép nhựa hiện hữu đường quy hoạch số 13.

- Điểm cuối: KM0+211,66; Giao với đường nhựa hiện hữu đường quy hoạch số 12.

+ Trục đường số 5:

- Điểm đầu: Km0+304,21 Giao với mép nhựa hiện hữu đường tỉnh lộ 1.

- Điểm cuối: Km0+912,59; Giao với đường nhựa hiện hữu.

Ghi chú: Đoạn từ Km0+00 – Km0+304,21 mặt đường cũ còn tốt, giữ nguyên.

+ Trục đường số 6:

- Điểm đầu: Km0+00 Giao với đường nhựa hiện hữu đường số 8.

- Điểm cuối: Km1+634,31; Giao với đường nhựa hiện hữu.

+ Trục đường số 21:

- Điểm đầu: Km0+00 Giao đường quy hoạch số 39.

- Điểm cuối: Km0+152,85; Giao với đường nhựa hiện hữu đường quy hoạch số 27.

+ Trục đường số 32:

- Điểm đầu: Km0+00 Giao đường quy hoạch số 36.

- Điểm cuối: Km0+88,20; nối đường nhựa hiện hữu.

+ Trục đường số 36:

- Điểm đầu: Km0+00 Giao đường quy hoạch số 32.

- Điểm cuối: Km0+212,03; nối đường BTXM hiện hữu đường quy hoạch số 33.

+ Trục đường số 35-36:

- Điểm đầu: Km0+00 Giao đường quy hoạch số 35 đường nhựa cacbonco.

- Điểm cuối: Km0+109,10; nối đường số 36 theo quy hoạch.

+ Trục đường số 38:

- Điểm đầu: Km0+00 Giao đường quy hoạch số 6 đường nhựa hiện hữu.

- Điểm cuối: Km0+489,50; Giao với mép nhựa hiện hữu đường tỉnh lộ 1.

+ Trục đường số 38_2:

- Điểm đầu: Km0+00 Giao đường quy hoạch số 5 đường nhựa hiện hữu.

- Điểm cuối: Km0+256,46; Giao đường quy hoạch số 6 đường nhựa hiện hữu.

+ Trục đường số 39:

Đoạn 1

- Điểm đầu: Km0+00 Giao cuối đường quy hoạch số 3 đường nhựa hiện hữu.

- Điểm cuối: KM0+308,55; Giao đường quy hoạch số 5.

Đoạn 2

- Điểm đầu: Km0+00 Giao cuối đường quy hoạch số 6.

- Điểm cuối: KM0+94.50; Giao đường quy hoạch số 43.

Ghi chú: Đoạn từ đường quy hoạch số 5 đến đường quy hoạch số 6 đã đầu tư xây dựng mặt đường Carboncor Asphalt thuộc dự án khác.

+ Trục đường số 43:

- Điểm đầu: Km0+00 Giao cuối đường quy hoạch số 39 đường nhựa hiện hữu.

- Điểm cuối: Km0+196,09; Giao đường quy hoạch số 38 đường nhựa hiện hữu.

10. Tiêu chuẩn chủ yếu được lựa chọn:

a. Khảo sát:

- Tiêu chuẩn cơ sở khảo sát đường ôtô: TCCS 31 : 2020.

- Tính toán các đặc trưng dòng chảy lũ do mưa rào: TCVN 9845-2013.

- Đất xây dựng (bao gói, vận chuyển, bảo quản mẫu): TCVN 2683:2012.

- Công tác trắc địa trong xây dựng – yêu cầu chung: TCVN 9398:2012.

- Tiêu chuẩn kỹ thuật đo & xử lý số liệu GPS: TCVN 9401-2012.

b. Thiết kế:

- Tiêu chuẩn thiết kế đường ôtô: TCVN 4054-05.

- Đường đô thị - Yêu cầu thiết kế: TCVN 13592:2022.

- Áo đường mềm – các yêu cầu và chỉ dẫn thiết kế: TCCS 38 : 2022.

- Lớp móng cấp phối đá dăm trong kết cấu áo đường – Thi công và nghiệm thu: TCVN 8859 : 2023.

- Hỗn hợp bê tông nhựa nóng – thiết kế theo phương pháp Marshall: TCVN 8820: 2011.

- Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về báo hiệu đường bộ: QCVN 41:2024/BGTVT.

- Tính toán các đặc trưng dòng chảy thoát nước: TCVN 9845:2013.

- Lớp mặt đường bằng hỗn hợp nhựa nóng - thi công và nghiệm thu (phần1:bê tông nhựa chặt sử dụng nhựa đường thông thường): TCVN 13567-1:2022.

- Các tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy phạm khác có liên quan.

11. Tổng mức đầu tư xây dựng: **25.300.000.000 đồng** (*Bằng chữ: Hai mươi lăm tỷ, ba trăm triệu đồng chẵn). Trong đó:*

(Đơn vị tính: đồng)

STT	Khoản mục chi phí	Giá trị đề nghị thẩm định
I	Chi phí xây dựng	22.880.254.000
II	Chi phí Quản lý dự án	531.505.000
III	Tư vấn đầu tư xây dựng	1.589.878.000
IV	Chi phí khác	279.396.000
V	Chi phí dự phòng	18.967.000
	Tổng cộng	**25.300.000.000**

(Phụ lục tổng hợp chi tiết kèm theo)

12. Tiến độ thực hiện dự án: Dự kiến năm 2026.

13. Nguồn vốn đầu tư và dự kiến bố trí kế hoạch vốn theo tiến độ thực hiện dự án: Giao bổ sung dự toán ngân sách nhà nước năm 2026.

14. Hình thức tổ chức quản lý dự án: Thuê đơn vị tư vấn có đủ năng lực để thực hiện.

15. Yêu cầu về nguồn lực, khai thác sử dụng tài nguyên (nếu có); phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư (nếu có): Không.

Điều 2. Phòng Kinh tế xã Ea Wer (đơn vị được giao chủ đầu tư) chịu trách nhiệm hoàn thiện các thủ tục đầu tư và những chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật tại Điều 1 Quyết định này.

Điều 3. Chánh Văn phòng HĐND và UBND xã, Trưởng phòng Kinh tế và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định thực hiện.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ban hành./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- CT; các PCT.UBND xã;
- VP HĐND và UBND xã;
- KBNN Khu vực XIV - PGD số 9;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Hữu Truyền

BẢNG TỔNG HỢP CHI TIẾT

Công trình: Nâng cấp một số trục đường khu vực trung tâm xã Ea Wer

(Kèm theo Quyết định số 2033/QĐ-UBND, ngày27 /10/2026 của UBND xã)

STT	Nội dung chi phí	Giá trị phê duyệt
I	**CHI PHÍ XÂY DỰNG**	**22.880.254.000**
1	Chi phí xây dựng công trình chính, phụ trợ tạm phục vụ thi công	22.431.621.000
2	Chi phí xây dựng nhà tạm tại hiện trường để ở và điều hành thi công	448.633.000
II	**CHI PHÍ QUẢN LÝ DỰ ÁN**	**531.505.000**
III	**CHI PHÍ TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG**	**1.589.878.000**
1	Chi phí khảo sát bước lập BCKTKT	225.261.000
2	Chi phí lập nhiệm vụ khảo sát xây dựng	6.758.000
3	Chi phí giám sát công tác khảo sát xây dựng	9.173.000
4	Chi phí lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật (Ctrình xây mới, cải tạo nâng cấp có Gtm < 40 tỷ trừ đền bù)	572.848.000
5	Chi phí thẩm tra thiết kế- dự toán	73.587.000
6	Chi phí Lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu gói thầu thi công xây dựng (trường hợp thuê tư vấn lập)	52.668.000
7	Chi phí giám sát thi công xây dựng	603.673.000
8	Thẩm định HSMT (Gói thầu thi công xây dựng)	22.955.000
9	Thẩm định KQ LCNT (Gói thầu thi công xây dựng)	22.955.000
IV	**CHI PHÍ KHÁC**	**279.396.000**
1	Phí thẩm định BCKTKT	2.147.000
2	Phí đảm bảo an toàn giao thông	74.888.000
3	Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán	88.205.000
4	Phí bảo hiểm công trình	58.260.000
5	Chi phí kiểm tra công tác nghiệm thu trước khi đưa vào sử dụng	55.896.000
V	**CHI PHÍ DỰ PHÒNG**	**18.967.000**
VII	**TỔNG CỘNG**	**25.300.000.000**

Bằng chữ: Hai mươi lăm tỷ, ba trăm triệu đồng chẵn./.